

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/ HNGĐ-PT

Ngày: 18/10/2018

V/v: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/10/2018, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19/9/2018 về việc: “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐ-PT, ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tăng Tuyết H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ thường trú: thị trấn L, huyện A, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: thị trấn L, huyện A, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Đức V, Luật sư của Văn phòng Luật sư I thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tăng Tuyết H trình bày:

Chị Tăng Tuyết H và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình vào năm 2005, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn vào năm 2017. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, chị H và anh T đã thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Bùi Hiếu K, sinh ngày 06/8/2006 và Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, thời điểm ly hôn, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H thường xuyên về thăm các con nhưng bị anh T chửi bới, xúc phạm và hạn chế quyền thăm con của chị H. Mặt khác, cách dạy dỗ con của anh T quá nghiêm khắc gây ảnh hưởng đến tinh thần và thể chất của cháu V. Do vậy, nay chị H đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu Bùi Tường V và đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Hiếu K, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Lý do chị H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là vì:

Thứ nhất: Do cháu V là con gái và đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý thì việc sống với chị H sẽ phù hợp hơn để chị H chăm sóc, dạy dỗ, hướng dẫn các kỹ năng cho cháu trong quá trình trưởng thành.

Thứ hai: Căn cứ theo nguyện vọng cũng như tình cảm của cháu V là muốn được về sống với mẹ.

Thứ ba: Hiện tại điều kiện về chỗ ở và công việc ổn định nên chị H có nhiều thời gian và điều kiện kinh tế để trực tiếp chăm sóc, giáo dục và dạy dỗ cháu V

Thứ tư: Cách chăm sóc dạy dỗ và tính cách của anh T có phần nghiêm khắc thái quá. Cụ thể là bằng chứng chị H cung cấp cho Tòa án 02 tấm ảnh 15x21 thể hiện anh T có hành vi dùng thước đo đánh vào mặt cháu V khi bé làm bài tập sai.

Thứ năm: Anh T không nhìn nhận được sự phát triển tốt nhất của các con mà còn làm xấu hình ảnh của người mẹ trong mắt các con.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng chị H, anh T trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà cấp 4 diện tích 111,5m² xây dựng vào năm 2012 thuộc thửa 135b, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị

trần L. Giá trị căn nhà theo Chứng thư thẩm định giá số: 831/TĐG-CT ngày 23/4/2018 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai là 203.400.000 đồng. Chị H đồng ý để anh T trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà và yêu cầu anh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 101.700.000 đồng. Chị H không tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Bị đơn anh Bùi Văn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh và chị Tăng Tuyết H xây dựng gia đình vào năm 2005, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn vào năm 2017. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, anh và chị H đã thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Bùi Hiếu K, sinh ngày 06/8/2006 và Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, thời điểm ly hôn anh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu K. Chị H rất ít khi về thăm các con, việc chị H cho rằng anh hạn chế việc thăm nuôi con của chị H là vu oan, vu khống cho anh. Mỗi lần chị H tới rước cháu V đi chơi thì đều rước ở nhà cô giáo nên anh không thể cản trở chị H được. Còn việc chị H cho rằng anh thường hay chửi bới mỗi khi chị đến thăm con là không đúng vì nhiều lần chị H không trực tiếp về rước cháu V mà nhờ một số thanh niên lạ mặt anh không hề biết tới rước cháu V nên anh không đồng ý cho rước cháu V đi vì lý do an toàn cho cháu. Lần nào chị H trực tiếp về đón cháu V thì anh đều tạo điều kiện cho chị H thăm các con và để chị H đón cháu V đi chứ anh không hề ngăn cản hay chửi bới như lời khai của chị H. Mặt khác, anh có đầy đủ điều kiện về kinh tế, thu nhập, chỗ ở để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu V và cháu K. Vì vậy, nay chị H khởi kiện yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Bùi Tường V thì anh không đồng ý, nguyện vọng của anh là tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, cháu K nhằm mục đích không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập, môi trường sống và đạo đức của cháu V nhằm cho cháu V có sự phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung: Anh T nhất với yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng anh chị trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà cấp 4 diện tích 111,5m² xây dựng vào năm 2012 thuộc thửa

135b, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn L. Giá trị căn nhà theo chứng thư thẩm định giá số: 831/TĐG-CT ngày 23/4/2018 của Công ty cổ phần Thẩm định giá I là 203.400.000 đồng. Nay chị H yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị căn nhà, chị H có nguyện vọng nhận được $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 101.700.000 đồng và giao cho anh được trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà thì anh đồng ý.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Đối với số nợ 50.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn O; số nợ 10.000.000 đồng của bà Bùi Thị Z và số nợ 10.000.000 đồng của bà Trần Thị S mà anh khai trong bản tự khai ngày 12/01/2018 thì anh xác định giữa anh và các chủ nợ đã tự thỏa thuận về việc thanh toán số tiền nợ nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Aong Thành đã căn cứ các Điều 28, 35, 39, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 93, 94, 95, 98 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Tuyết H đối với bị đơn anh Bùi Văn T về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”

2. Giao con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 cho chị Tăng Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh T vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Anh T được quyền đến thăm con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho anh Bùi Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích

111,5m² thuộc thửa 135b, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn L, huyện A, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 5, 6, 1 (Theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 2847/2018 ngày 27/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh L). Anh T có trách nhiệm thanh toán lại cho chị H ½ giá trị căn nhà với số tiền là 101.700.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình và chịu 5.085.000 đồng tiền án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 1.335.000 đồng. Anh T phải chịu 5.085.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Tăng Tuyết H, anh Bùi Văn T mỗi người phải chịu 2.283.482 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá. Do chị H đã nộp toàn bộ số tiền 4.566.964 đồng nên buộc anh T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho chị H số tiền 2.283.482 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/7/2018, bị đơn anh Bùi Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện A. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Tường V.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Bùi Tường V cho chị H trực tiếp nuôi là không phù hợp vì chị H không có chỗ ở, thu nhập ổn định, không chứng minh được thu nhập, anh T vẫn nuôi dạy con tốt, nguyện vọng của cháu V cũng muốn sống cùng cha. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Văn T, giao cháu Bùi Tường V cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, hiện tại chị H đã có đủ điều kiện nuôi con, cháu V là con gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, cháu V đã được

chị H đăng ký cho nhập học ở Trường Q tại thành phố C nơi chị làm việc và sinh sống, thuận lợi cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu, đồng thời cũng giảm bớt khó khăn cho anh T khi cùng lúc phải lo cho cả hai con là cháu K và cháu V. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Tuyết H, giao cháu Bùi Tường V cho chị Tăng Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng là đã xem xét kỹ lưỡng mọi mặt nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Bùi Văn T trong hạn luật định, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Chị Tăng Tuyết H và anh Bùi Văn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A. Theo quyết định, chị H và anh T thỏa thuận anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Bùi Hiếu K, sinh ngày 06/8/2006 và Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011, chị H không cấp dưỡng nuôi con, chị H được quyền đến thăm con không ai được cản trở, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nay chị H khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 và để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Hiếu K, sinh ngày 06/8/2006, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, hiện tại chị H và anh T có thu nhập, thời gian làm việc và chỗ ở ổn định, chị H làm nghề kinh doanh còn anh T thì làm công nhân, cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con. Việc anh T một mình nuôi dưỡng và cùng lúc lo cho hai cháu ăn học sẽ không đảm bảo một cách tốt nhất cho sự phát triển của các cháu. Mặt khác, cháu V là con gái lại đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 cho chị Tăng Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hơn nữa, theo các tài liệu, chứng cứ chị H mới cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm thì hiện tại chị H đã đón cháu V về ở chung và làm các thủ tục cho cháu V nhập

học tại Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông Q - thành phố C, có xác nhận của trường. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu Bùi Tường V cho chị Tăng Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, 93, 94, 95, 98 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Tuyết H đối với bị đơn anh Bùi Văn T về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”.

2. Giao cháu Bùi Tường V, sinh ngày 29/10/2011 cho chị Tăng Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh T vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Anh T được quyền đến thăm con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cho anh Bùi Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 111,5m² thuộc thửa 135b, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn L, huyện A, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 5, 6, 1 (Theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 2847/2018 ngày 27/3/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng

Nai – chi nhánh L). Anh Bùi Văn T có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Tăng Tuyết H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền là 101.700.000 đồng (Một trăm linh một triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Chị Tăng Tuyết H phải chịu 5.385.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 005247 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị Tăng Tuyết H còn phải nộp tiếp 1.335.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng) tiền án phí.

Anh Bùi Văn T phải chịu 5.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 006521 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, anh Bùi Văn T còn phải nộp tiếp 5.085.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền án phí.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Tăng Tuyết H, anh Bùi Văn T mỗi người phải chịu 2.283.482 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá. Do chị H đã nộp toàn bộ số tiền 4.566.964 đồng nên buộc anh T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho chị H số tiền 2.283.482 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến ngày thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Dương sự ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký và đóng dấu

Nguyễn Bá Nhu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hà Phan Thị Thu Hương Nguyễn Bá Nhu